BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CẤP NƯỚC QUỐC GIA

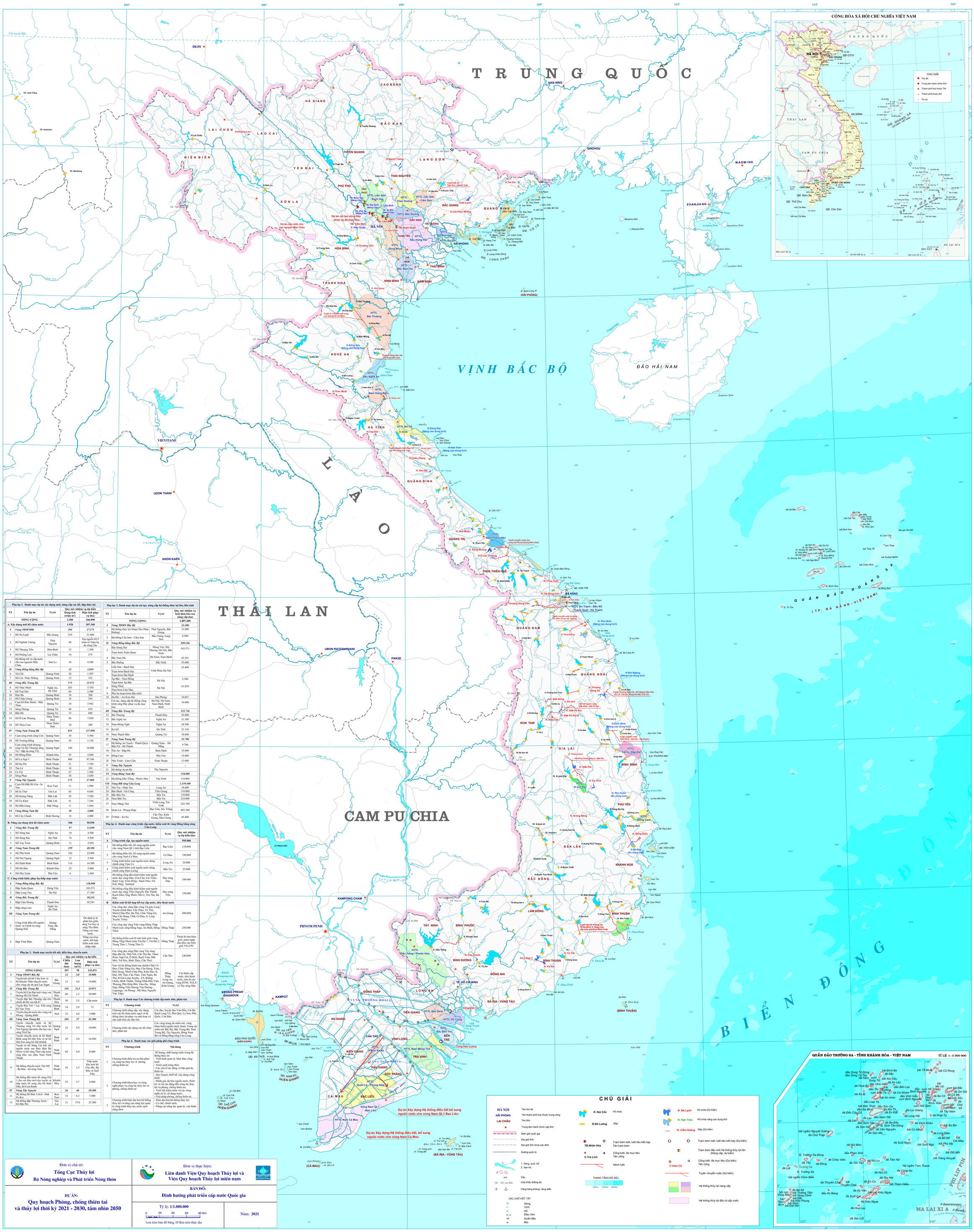

Phụ lục I. Danh mục dự án xây dựng mới, nâng cấp các hồ, đập thủy lợi				
TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến: Dung tích (triệu m³)	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến: Diện tích phục vụ (ha)
TỔNG CỘNG			2.280	266.890
A. Xây dựng mới hồ chứa nước			1.920	207.340
I	*Vùng TDMNBB*		*294*	*27,175*
1	Hồ Nà Lạnh	Bắc Giang	210	21.000
2	Hồ Nghinh Tường	Thái Nguyên	48	Tạo nguồn 45,5 triệu m³/năm hạ du sông Cầu
3	Hồ Thượng Tiến	Hòa Bình	12	1.300
4	Hồ Phiêng Lúc	Lai Châu	14	575
5	Hệ thống trữ và cấp nước cho cao nguyên Mộc Châu	Sơn La	10	4.500
II	*Vùng Đồng bằng Bắc Bộ*		*32*	*1.839*
6	Tài Chi	Quảng Ninh	20	1.507
7	Hồ Cái -Thác Nhồng	Quảng Ninh	12	332
III	*Vùng Bắc Trung Bộ*		*575*	*21.972*
8	Hồ Thác Muối	Nghệ An, Hà Tĩnh	285	5.350
9	Hồ Trại Dọi		69	2.500
10	Khe Đá	Quảng Bình	10	200
11	Hồ Châu Giang	Quảng Bình	16	250
12	Cụm hồ Khe Mước - Bến Tham	Quảng Trị	34	3.982
13	Sông Nhiêng	Quảng Trị	40	870
14	Bến Đá	Quảng Trị	15	800
15	Hồ Ô Lâu Thượng	Thừa Thiên Huế	96	7.820
16	Hồ Thủy Cam	Thừa Thiên Huế	10	200
IV	*Vùng Nam Trung Bộ*		*833*	*127.096*
17	Cụm công trình sông Côn	Quảng Nam	30	3.500
18	Hồ Trường Đồng	Quảng Nam	30	1.150
19	Cụm công trình thượng sông Vệ (hồ Thượng sông Vệ + đập hạ sông Vệ)	Quảng Ngãi	140	10.000
20	Hồ Đồng Điền	Khánh Hòa	95	2.000
21	Hồ La Ngà 3	Bình Thuận	400	97.246
22	Hồ Ka Pét	Bình Thuận	51	7.700
23	Tân Lập	Bình Thuận	10	350
24	Cà Tót	Bình Thuận	47	1.500
25	Sông Phan	Bình Thuận	30	3.650
V	*Vùng Tây Nguyên*		*175*	*27.060*
26	Cụm Hồ Đăk Rồ Gia - Ia Tun	Kon Tum	11	1.900
27	Hồ Ia Thul	Gia Lai	83	8.600
28	Hồ Krông Năng	Đăk Lăk	29	7.500
29	Hồ Ea Khal	Đăk Lăk	41	7.200
30	Hồ Đăk Giang	Đăk Nông	11	1.860
VI	*Vùng Đông Nam Bộ*		*10*	*2.000*
31	Hồ Cây Chanh	Bình Dương	10	2.000
B. Nâng cao dung tích hồ chứa nước			360	59,550
I	*Vùng Bắc Trung Bộ*		*97*	*11,050*
1	Hồ Sông Sào	Nghệ An	10	4.500
2	Hồ Sông Rác	Hà Tĩnh	76	4.500
3	Hồ Vực Trôn	Quảng Bình	11	2.050
II	*Vùng Nam Trung Bộ*		*259*	*48.500*
4	Hồ Phú Ninh	Quảng Nam	102	23.000
5	Hồ Núi Ngang	Quảng Ngãi	13	2.500
6	Hồ Định Bình	Bình Định	116	16.500
7	Hồ Đã Bàn	Khánh Hòa	22	5.000
8	Hồ Phú Xuân	Phú Yên	6	1.500
C. Công trình khắc phục hạ thấp mực nước			-	
I	*Vùng Đồng bằng Bắc Bộ*			*120,900*
1	Đập Xuân Quan	Hưng Yên		103.571
2	Đập Long Tửu	Hà Nội		17.300
II	*Vùng Bắc Trung Bộ*			*30,243*
3	Đập Cẩm Hoàng	Thanh Hóa		30.243
4	Đập sông Lam	Nghệ An, Hà Tĩnh		
III	*Vùng Nam Trung Bộ*			
5	Công trình điều tiết nguồn nước và Chỉnh trị sông Quảng Huế	Quảng Nam, Đà Nẵng		Ổn định tỷ lệ phân lưu giữa sông Vu Gia và sông Thu Bồn; Nâng cao mực nước;
6	Đập Vĩnh Điện	Quảng Nam		Nâng cao mực nước, kết hợp kiểm soát xâm nhập mặn

Phụ lục 2. Danh mục tuyến kết nối, điều hòa, chuyển nước					
TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến: Chiều dài (km)	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến: Lưu lượng (m^3/s)	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến: Diện tích phục vụ (ha)
TỔNG CỘNG:			397	78	115.471
I	*Vùng TDMN Bắc Bộ*		*12*	*3,0*	*19.800*
1	Tuyến kết nối hồ Cẩm Sơn và hồ Khuôn Thần chuyển nước cho vùng cây ăn quả Lục Ngạn	Bắc Giang	12	3,0	19.800
II	*Vùng Bắc Trung Bộ*		*156*	*11,5*	*23.071*
2	Tuyến hồ Của Đạt tưới vùng ven đường Hồ Chí Minh	Thanh Hóa	66	1,2	20.000
3	Tuyến đập Bái Thượng cấp cho chuẩn đô thị yen QL47	Thanh Hóa	50	3,5	Cấp nước
4	Tuyến Rào Trỏ + Lạc Tiến sang hồ Vực Trôn	Quảng Bình	18	2,9	71
5	Tuyến chuyển nước cho vùng cát Phong - Quảng Điền	Huế	22	4,0	3.000
III	*Vùng Nam Trung Bộ*		*204*	*17*	*43.300*
6	Tuyến chuyển nước từ hồ Thượng sông Vệ tiếp nước hồ Núi Ngang cấp nước cho lưu vực sông Trà Câu	Quảng Ngãi	22	5,0	10.000
7	Tuyến chuyển nước từ hồ Định Bình sang hồ Hội Sơn và từ hồ Hội Sơn sang hồ Hội Khánh	Bình Định	20	2,0	16.500
8	Tuyến từ hồ Sông Cái kết nối nguồn nước sau thủy điện Đa Nhim và hồ sông Than cấp nước sang khu vực phía Nam Ninh Thuận	Ninh Thuận	65	5,0	8.000
9	Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - Bà Râu - hồ sông Trâu	Ninh Thuận	45	1,5	Tiếp nước; khu tưới hồ Cho Mo, Bà Râu và Suối Trầu
10	Hệ thống dẫn nước hồ sông Chò 1 cho các khu tưới dọc tuyến và tiếp nước hồ sung cho hồ Suối Dầu, hồ Cam Ranh	Khánh Hòa	52	3,7	8.800
IV	*Vùng Tây Nguyên*		*26*	*46*	*29.300*
11	Hệ thống Hồ Đăk A Kôi - Đăk Po Kei	Kon Tum	15	8.2	7.000
12	Hệ thống đập Thượng Ayun - hồ Đăk Pho	Gia Lai	11	37.6	22.300

Phụ lục 3. Danh mục dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi lớn, liên tỉnh			
TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ tưới đảm bảo sau nâng cấp (ha)
TỔNG CỘNG:			1.807.400
I	*Vùng TDMN Bắc Bộ*		*23.400*
1	Hệ thống thủy lợi Sông Cầu (Thác Huống)	Thái Nguyên, Bắc Giang	13.900
2	Hệ thống Cấu Sơn - Cẩm Sơn	Bắc Giang, Lạng Sơn	9.500
II	*Vùng Đồng bằng Bắc Bộ*		*339.136*
3	Bắc Hưng Hải Trạm bơm Xuân Quan	Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội, Bắc Ninh	103.571
4	Bắc Nam Hà	Hà Nam, Nam Định	63.361
5	Bắc Đuống	Bắc Ninh	55.000
6	Liễn Sơn - Bạch Hạc Trạm bơm Bạch Hạc Trạm bơm Đại Định	Vĩnh Phúc-Hà Nội	23.408
7	Ấp Bắc - Nam Hồng Trạm bơm Ấp Bắc	Hà Nội	5,300
8	Sông Nhuệ Trạm bơm Liễn Mạc	Hà Nội	61.629
9	Phú Sa (trạm bơm đầu mối)		
10	Đa Độ + An Kim Hải	Hải Phòng	10.867
11	Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình sông Đáy phục vụ đa mục tiêu	Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình	16.000
III	*Vùng Bắc Trung Bộ*		*122.716*
12	Bái Thượng	Thanh Hóa	45.000
13	Bắc Nghệ An	Nghệ An	21.500
14	Nam Hưng Nghi	Nghệ An	24.500
15	Kẻ Gỗ	Hà Tĩnh	21.136
16	Nam Thạch Hãn	Quảng Trị	10.600
IV	*Vùng Nam Trung Bộ*		*52.700*
17	Hệ thống An Trạch - Thanh Quýt - Bản Nít - Hà Thanh	Quảng Nam - Đà Nẵng	9.700
18	Tân An - Đập Đã	Bình Định	15.000
19	Đồng Cam	Phú Yên	15.000
20	Nha Trinh - Lâm Cấm	Ninh Thuận	13.000
V	*Vùng Tây Nguyên*	Tây Nguyên	-
21	Hệ thống Ayun Hạ		
VI	*Vùng Đông Nam Bộ*		*110.000*
22	Hệ thống Dầu Tiếng - Phước Hòa	Tây Ninh	110.000
VII	*Vùng ĐB sông Cửu Long*		*1.159.400*
23	Tân Try - Nhật Tảo	Long An	18.000
24	Bảo Định - Gò Công	Tiền Giang	118.000
25	Bắc Bến Tre	Bến Tre	139.000
26	Nam Bến Tre	Bến Tre	210.000
27	Nam Măng Thít	Vĩnh Long, Trà Vinh	225.700
28	Quản Lộ - Phụng Hiệp	Bạc Liêu, Sóc Trăng	403.300
29	Ô Môn - Xà No	Cần Thơ, Kiên Giang, Hậu Giang	45.400

Phụ lục 4. Danh mục công trình cấp, kiểm soát lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long			
TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến (ha)
A	**Công trình cấp, tạo nguồn nước**		**595.000**
1	Hệ thống điều tiết, bổ sung nguồn nước cho vùng Nam QL1 tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	110.000
2	Hệ thống điều tiết, bổ sung nguồn nước cho vùng Nam Cà Mau	Cà Mau	190.000
3	Công trình kiểm soát nguồn nước đông chính sông Vàm Cỏ	Long An	20.000
4	Công trình kiểm soát nguồn nước đông chính sông Hàm Luông	Bến Tre	25.000
5	Hệ thống công dẫn kênh kiểm soát nguồn nước dọc sông Hậu: (Cái Côc; Cái Trầm; Rạch Vược; Xẻo Đông - Rạch Nhàu; Trà Ếch; Mược; Saintard	Dọc sông Hậu	100.000
6	Hệ thống công dẫn kênh kiểm soát nguồn nước dọc sông Tiền (Nguyễn Tấn Thành; Rạch Gầm; Ông Mười; Mù U; Trà Tân; Ba Rài)	Dọc sông Tiền	150.000
B	**Kiểm soát lũ kết hợp hỗ trợ cấp nước, tiêu thoát nước**		
1	Các công dọc sông Hậu vùng Tứ giác Long Xuyên (Ninh Đào, Cần Thảo, Trị Tôn, Mười Châu Phú, Ba Thê, Chắc Năng Gù, Mạc Cần Dưng, Chắc Cà Đao, S. Long Xuyên, Trôn)	An Giang	490.000
2	Các công dọc sông Tiền vùng Đồng Tháp Mười (các cống Hồng Ngự, An Bình, Đồng Tiến)	Đồng Tháp	250.000
3	Hệ thống kiểm soát lũ tràn biên giới vùng Đồng Tháp Mười (trừ Trà Đư 1, Trà Đư 2, Trung Tâm 1, Trung Tâm 2)	Đồng Tháp	Thoát lũ tràn biên giới, giảm ngập cho khu vực biên giới VN-CPC
4	Các công dọc sông Hậu vùng Tây sông Hậu (Bỏ Ót, Thốt Nốt, Cần Thơ Bé, Tham Rơm, Ngã Cái, Ô Môn, Rạch Vàng, Đầu Mối, Trà Nóc, Bình Thủy, Cần Thơ)	Cần Thơ	240.000
5	Nạo vét hệ thống kênh trục (kênh Chắc Cà Đao, Chắc Năng Gù, Mạc Cần Dưng, Trôn, Đôn Dong, Mười Châu Phú, Kiến Hảo, K. Đào, Mỹ Thái, Cần Thảo, Tám Ngàn, Ba Thê, R.Giá Long Xuyên, 2/9, Kháng Chiến, Bình Thành, Thống Nhất-Đốc Vàm Thương, Phú Hiệp-Đốc Vàm Hà, Hồng Ngự, Đồng Tiến-Dương Văn Dương-Lagrange, An Phong- Mỹ Hòa, Nguyễn Văn Tiếp)	Đồng Tháp, Long An, An Giang, Kiên Giang	Cải thiện cấp nước, tiêu thoát nước, tiêu lũ cho vùng ĐTM, TGLX và Tây sông Hậu

Phụ lục 5. Danh mục Các chương trình cấp nước nhỏ, phân tán		
TT	Chương trình	Vị trí
1	Chương trình nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và hệ thống thủy lợi phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên các đảo lớn	Các đảo, huyện đảo Vân Đồn, Cát Bà, Bạch Long Vỹ, Phú Quý, Lý Sơn, Phú Quốc, Côn Đảo
2	Chương trình xây dựng các hồ chứa nhỏ, phân tán	Các vùng trung du miền núi, vùng khan hiếm nguồn nước thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Phụ lục 6. Danh mục các giải pháp phi công trình		
TT	Chương trình	Nội dung
1	Chương trình điều tra cơ bản phục vụ công tác thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Số lượng, chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi - Tình hình quản lý, khai thác công trình - Nước sạch nông thôn - Các yếu tố tác động và hậu quả do thiên tai
2	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ công tác thủy lợi và phòng, chống thiên tai	- Quy hoạch, thiết kế, xây dựng công trình; - Đánh giá, dự báo nguồn nước, thiên tai và các tác động đến công tác thủy lợi và phòng, chống thiên tai; - Tuyên tiết kiệm nước và các công nghệ xử lý, sử dụng nước; - Giải pháp phòng, chống thiên tai.
3	Chương trình hiện đại hóa hệ thống thủy lợi và nâng cao năng lực quản lý công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn	- Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi; - Cơ chế, chính sách; - Nâng cao năng lực quản lý, vận hành.